

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2575/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 09 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2027**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

Căn cứ Công văn số 1881/UBND-DTTS ngày 07/11/2022 của Ủy Ban Dân tộc về việc thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 103/TTr-BDT ngày 07/12/2022; ý kiến của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tại Công văn số 1861/MTTQ-BTT ngày 05/12/2022 và Công an tỉnh tại Văn bản số 2942/CAT-PA02 ngày 07/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 2.066 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2027 được thụ hưởng các chính sách theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

(Chi tiết tại Biểu số 01, 02 và các Biểu 02.1÷02.12 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Căn cứ danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sơn La được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Ban Dân tộc tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách với người có uy tín trong đồng bào thiểu số đúng đối tượng, đúng chế độ chính sách, kịp thời, công khai, minh bạch; kịp thời tổng hợp, tham mưu với UBND tỉnh tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Định kỳ rà soát, tổng hợp kết quả thực hiện các chế độ chính sách với người có uy tín trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh, Ủy Ban Dân tộc theo quy định.

3. Giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Dân tộc tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện chính sách với người có uy tín được phân công quản lý trên địa bàn tỉnh.

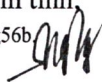
4. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn và hệ thống thông tin cơ sở tăng cường thông tin, tuyên truyền thực hiện chính sách và công tác vận động, hất huy vai trò của người có uy tín với các hình thức đa dạng, phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên chỉ đạo các cấp theo ngành dọc phối hợp thực hiện và tham gia giám sát thực hiện chính sách với người có uy tín trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan và các Ông (Bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐVP, CVCK);
- Báo Sơn La, Đài Phát thanh - TH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH. Giang56b



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Tráng Thị Xuân

BIỂU SỐ 01 - TỔNG HỢP NGƯỜI CÓ UY TÍN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, GIAI ĐOẠN 2023 - 2027

(Kèm Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Huyện/thành phố	Tổng số xã/phường trên địa bàn	Tổng số bản, tiểu khu, tổ dân phố (sau sáp nhập)	Tổng số người có uy tín giai đoạn 2023 - 2027	Ghi chú
	TỔNG (toàn tỉnh)	204	2.303	2.066	
1	Mộc Châu	15	184	130	
2	Mường La	16	201	199	
3	Mai Sơn	22	293	242	
4	Yên Châu	15	173	147	
5	Vân Hồ	14	115	113	
6	Thuận Châu	29	355	350	
7	Sốp Cộp	8	101	101	
8	Sông Mã	19	331	299	
9	Thành Phố	12	139	83	
10	Phù Yên	27	207	198	
11	Quỳnh Nhai	11	103	103	
12	Bắc Yên	16	101	101	



**BIỂU SỐ 02 - TỔNG HỢP NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG ĐỒNG BÀO DTTS
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN/XÃ, GIAI ĐOẠN 2023 - 2027**

(Kèm Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Địa bàn	Tổng số	Giới tính		Ghi chú
			Nam	Nữ	
	TỔNG SỐ	2.066	2.017	49	
I	MUỜNG LA	199	198	1	
1	Xã Mường Trai	6	6		
2	Xã Pi Toong	9	9		
3	Xã Mường Chùm	16	16		
4	Xã Mường Bú	26	25	1	
5	Xã Chiềng Ân	6	6		
6	Xã Chiềng Muôn	6	6		
7	Xã Nậm Pấm	10	10		
8	Thị trấn Ít Ong	14	14		
9	Xã Hua Trai	10	10		
10	Xã Chiềng San	7	7		
11	Xã Ngọc Chiến	15	15		
12	Xã Chiềng Lao	16	16		
13	Xã Nậm Giôn	15	15		
14	Xã Chiềng Công	17	17		
15	Xã Chiềng Hoa	14	14		
16	Xã Tạ Bú	12	12		
II	HUYỆN MAI SƠN	242	235	7	
1	Thị trấn Hát Lót	1	1	0	
2	Xã Mường Bon	9	9	0	
3	Xã Mường Bằng	13	13	0	
4	Xã Chiềng Mai	10	6	4	
5	Xã Chiềng Nọi	15	15	0	
6	Xã Phiêng Pằn	19	19	0	
7	Xã Phiêng Cầm	19	18	1	

TT	Địa bàn	Tổng số	Giới tính		Ghi chú
			Nam	Nữ	
8	Xã Nà Ốt	11	11	0	
9	Xã Tà Hộc	8	8	0	
10	Xã Chiềng Dong	8	8	0	
11	Xã Chiềng Kheo	5	5	0	
12	Xã Chiềng Ve	5	5	0	
13	Xã Mường Chanh	7	6	1	
14	Xã Chiềng Chung	10	10	0	
15	Xã Hát Lót	12	12	0	
16	Xã Nà Bó	11	11	0	
17	Xã Chiềng Mung	14	14	0	
18	Xã Chiềng Chăn	14	14	0	
19	Xã Chiềng Sung	8	7	1	
20	Xã Chiềng Lương	17	17	0	
21	Xã Cò Nòi	17	17	0	
22	Xã Chiềng Ban	9	9	0	
III	YÊN CHÂU	147	143	4	
1	Xã Chiềng Đông	12	11	1	
2	Xã Chiềng Sàng	7	7		
3	Chiềng Păn	6	5	1	
4	Xã Viêng Lán	5	4	1	
5	Xã Chiềng Khoi	6	6		
6	Xã Sập Vạt	11	11		
7	Xã Chiềng Hặc	13	13		
8	Xã Mường Lựm	7	7		
9	Xã Tú Nang	22	22		
10	Xã Lóng Phiêng	8	8		
11	Xã Chiềng Tương	9	9		
12	Xã Phiêng Khoài	23	22	1	

TT	Địa bàn	Tổng số	Giới tính		Ghi chú
			Nam	Nữ	
13	Xã Chiềng On	12	12		
14	Xã Yên Sơn	6	6		
IV	VÂN HỒ	113	112	1	
1	Xã Lóng Luông	9	9	0	
2	Xã Chiềng Xuân	7	7	0	
3	Xã Chiềng Yên	9	9	0	
4	Xã Song Khúa	9	9	0	
5	Xuân Nha	8	8	0	
6	Xã Tân Xuân	9	8	1	
7	Xã Mường Tè	8	8	0	
8	Xã Quang Minh	5	5	0	
9	Xã Tô Múa	11	11	0	
10	Xã Suối Bàng	9	9	0	
11	Xã Vân Hồ	13	13	0	
12	Xã Liên Hòa	5	5	0	
13	Xã Chiềng Khoa	6	6	0	
14	Xã Mường Men	5	5	0	
V	HUYỆN THUẬN CHÂU	350	343	7	
1	Xã Tông Cọ	9	9		
2	Xã Long Hẹ	14	14		
3	Xã Nậm Lầu	21	20	1	
4	Xã Mường É	13	13		
5	Xã Thôm Mòn	10	10		
6	Xã Chiềng La	6	6		
7	Xã Chiềng Pắc	5	5		
8	Xã Liệp Tè	15	15		
9	Xã Mường Bám	21	21		
10	Xã Púng Tra	7	7		

TT	Địa bàn	Tổng số	Giới tính		Ghi chú
			Nam	Nữ	
11	Xã Chiềng Pha	12	12		
12	Xã Phổng Lãng	12	12		
13	Xã Phổng Lái	14	13	1	
14	Xã Phổng Lập	13	13		
15	Xã Co Tòng	8	8		
16	Xã Tông Lạnh	13	13		
17	Xã Nong Lay	5	5		
18	Xã Bản Lầm	6	6		
19	Xã Muối Nội	7	6	1	
20	Xã É Tòng	13	13		
21	Xã Chiềng Bôm	19	19		
22	Xã Chiềng Ngâm	12	12		
23	Xã Chiềng Ly	16	15	1	
24	Thị trấn Thuận Châu	10	8	2	
25	Xã Bon Phặng	7	6	1	
26	Xã Mường Khiêng	24	24		
27	Xã Bó Mười	11	11		
28	Xã Pá Lông	8	8		
29	Xã Co Mạ	19	19		
VI	HUYỆN SÓP CỘP	101	100	1	
1	Xã Sốp Cộp	10	9	1	
2	Xã Mường Và	21	21		
3	Xã Mường Lạn	16	16		
4	Xã Nậm Lạnh	10	10		
5	Xã Dồm Cang	9	9		
6	Xã Púng Bánh	13	13		
7	Xã Sam Kha	9	9		
8	Xã Mường Lèo	13	13		

TT	Địa bàn	Tổng số	Giới tính		Ghi chú
			Nam	Nữ	
VII	SÔNG MÃ	299	296	3	
1	Xã Chiềng Sơ	17	17		
2	Xã Chiềng Khương	14	14		
3	Xã Mường Cai	14	14		
4	Xã Chiềng Cang	27	26	1	
5	Xã Chiềng Khoong	31	31		
6	Xã Mường Sai	12	12		
7	Xã Chiềng En	10	10		
8	Xã Nậm Ty	20	20		
9	Xã Chiềng Phung	11	11		
10	Xã Yên Hưng	15	15		
11	Xã Mường Lắm	8	8		
12	Xã Bó Sinh	10	10		
13	Xã Pú Bấu	7	7		
14	Xã Nà Nhị	28	28		
15	Xã Đưa Mòn	21	21		
16	Xã Nậm Mẩn	8	8		
17	Xã Mường Hung	25	24	1	
18	Xã Huổi Một	19	19		
19	Thị trấn Sông Mã	2	1	1	
VIII	THÀNH PHỐ	83	73	10	
1	Phường Chiềng An	8	6	2	
2	Phường Chiềng Cơi	7	4	3	
3	P. Chiềng Sinh	10	9	1	
4	P. Chiềng Lè	1	1	0	
5	P. Tô Hiệu	2	1	1	
6	P. Quyết Thắng	1	1	0	
7	Xã Chiềng Cọ	7	7	0	

TT	Địa bàn	Tổng số	Giới tính		Ghi chú
			Nam	Nữ	
8	Xã Chiềng Đen	8	7	1	
9	Xã Chiềng Ngần	15	14	1	
10	Xã Chiềng Xôm	10	10	0	
11	Xã Hua La	14	13	1	
IX	HUYỆN PHÙ YÊN	198	193	5	
1	Xã Tường Thượng	8	8		
2	Xã Kim Bon	7	7		
3	Xã Sập Xa	5	5		
4	Xã Huy Bắc	10	8	2	
5	Xã Mường Lang	6	6		
6	Xã Tường Phong	5	5		
7	Xã Đá Đỏ	7	7		
8	Xã Tân Phong	5	5		
9	Xã Mường Bang	9	9		
10	Xã Suối Tọ	8	8		
11	Xã Mường Cơi	13	13		
12	Xã Mường Do	8	8		
13	Thị Trấn	7	5	2	
14	Xã Mường Thái	5	5		
15	Xã Tường Tiến	5	5		
16	Xã Huy Hạ	9	9		
17	Xã Bắc Phong	3	3		
18	Xã Huy Tân	10	10		
19	Xã Nam Phong	5	5		
20	Xã Tường Phù	7	7		
21	Xã Huy Thượng	6	6		
22	Xã Tân Lang	8	7	1	
23	Xã Tường Hạ	5	5		

TT	Địa bàn	Tổng số	Giới tính		Ghi chú
			Nam	Nữ	
24	Xã Quang Huy	14	14		
25	Xã Huy Tường	6	6		
26	Xã Gia Phù	10	10		
27	Xã Suối Bau	7	7		
X	BẮC YÊN	101	98	3	
1	Xã Phiêng Ban	7	7		
2	Xã Hang Chú	6	6		
3	Hua Nhàn	9	9		
4	Xã Háng Đồng	5	5		
5	Xã Hồng Ngải	5	5		
6	Xã Làng Chếu	5	5		
7	Xã Phiêng Côn	4	4		
8	Xã Tà Xùa	4	4		
9	Xã Xím Vàng	4	4		
10	Thị trấn Bắc Yên	7	5	2	
11	Xã Song Pe	8	7	1	
12	Xã Mường Khoa	8	8		
13	Xã Chiềng Sại	6	6		
14	Xã Pắc Ngà	9	9		
15	Xã Chim Vàn	8	8		
16	Xã Tà Khoa	6	6		
XI	HUYỆN MỘC CHÂU	130	124	6	
1	Xã Tân Lập	13	13		
2	Xã Chiềng Hắc	10	10		
3	Xã Phiêng Luông	7	7		
4	Xã Mường Sang	7	7		
5	Xã Quy Hương	10	9	1	
6	Xã Tân Hợp	12	10	2	

TT	Địa bàn	Tổng số	Giới tính		Ghi chú
			Nam	Nữ	
7	Xã Nà Muồng	8	7	1	
8	Xã Chiềng Sơn	8	8		
9	Xã Lóng Sập	14	14		
10	Xã Chiềng Khừa	9	7	2	
11	TT. Mộc Châu	1	1		
12	TT. Nông trường	7	7		
13	Xã Đông Sang	9	9		
14	Xã Tà Lại	8	8		
15	Xã Hua Păng	7	7		
XII	QUỲNH NHAI	103	102	1	
1	Xã Cà Nàng	7	7		
2	Xã Muồng Chiên	3	3		
3	Xã Chiềng Bằng	11	11		
4	Xã Nậm É	10	10		
5	Xã Muồng Sại	8	8	0	
6	Xã Muồng Giôn	18	18	0	
7	Xã Chiềng Khoang	10	10		
8	Xã Muồng Giàng	14	14		
9	Xã Chiềng Khay	11	11		
10	Xã Chiềng Ôn	6	6		
11	Xã Pá Ma Pha Khinh	5	4	1	

BIỂU SỐ 02.1 - DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN HUYỆN MƯỜNG LA, GIAI ĐOẠN 2023 - 2027

(Kèm Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
	TỔNG	198	1				
	Xã Mường Trai	6					
1	Quảng Văn Yêu	1965		Thái	Thành phần khác	Bản Khâu Ban	
2	Cà Văn Tiệp	1968		Thái	Thành phần khác	Bản Cang Bó Ban	
3	Tòng Văn Diêm	1952		Thái	Già làng	Bản Phiêng Hua Nà	
4	Cà Văn Bộ	1964		Thái	Thành phần khác	Bản Lả Búng	
5	Lò Văn Hương	1953		Thái	Cán bộ hưu	Bản Huổi Muôn	
6	Quảng Văn Pâng	1955		La Ha	Già làng	Bản Huổi Ban	
	Xã Pi Toong	9					
1	Vì Văn Mưu	1953		Thái	Già làng	Bản Pi	
2	Cà Văn Phanh	1939		Thái	Già làng	Bản Lửa	
3	Lò Văn Hậu	1960		La ha	Cán bộ hưu	Bản Chà Lao	
4	Sộng A Cẩu	1957		Mông	Già làng	Bản Nà Trà	
5	Lò Văn Lánh	1957		Thái	Già làng	Bản Tong	
6	Vì Văn Đồi	1949		Thái	Già làng	Bản Ten	
7	Vì Văn Yên	1957		Thái	Cán bộ hưu	Bản Cang Phiêng	
8	Lò Văn Đoàn	1956		Thái	Cán bộ hưu	Bản Pi Tạy	
9	Cà Văn Đồi	1942		Thái	Già làng	Bản Núa Trò	
	Xã Mường Chùm	16					
1	Quảng Văn Ích	1971		Thái	Thành phần khác	Bản Nà Tòng	
2	Quảng Văn Hải	1980		Thái	Bí thư chi bộ, Trưởng bản	Bản Liu	
3	Quảng Văn Sừ	1956		Thái	Già làng	Bản Nà Nhụng	
4	Lò Văn Sum	1952		Thái	Già làng	Bản Nong Buôi	
5	Lò Văn Quỳnh	1973		Thái	Phó trưởng bản	Bản Ún	
6	Lò Văn Tiệp	1955		Thái	Bí thư chi bộ	Bản Pặt	
7	Quảng Văn Phái	1969		Thái	Thành phần khác	Bản Nà Nong	
8	Quảng Văn Duyên	1965		Thái	Chi ủy viên của chi bộ	Bản Hồng Hìn	
9	Mùa A Tu	1962		Mông	Già làng, Mặt trận bản	Bản Huổi Hiều	
10	Lầu A Chia	1970		Mông	Chi hội NCT	Bản Nà Thươn	
11	Thào A Sụng	1969		Mông	Thành phần khác	Bản Nong Chạy	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
12	Giàng A Chua	1975		Mông	Bí thư chi bộ	Bản Co Tòng	
13	Lò Văn Trịnh	1984		Thái	Bí thư chi bộ, Trưởng bản	Bản Kham Mường	
14	Cà Văn Hợp	1960		Thái	Cán bộ hưu	Bản Pàn	
15	Lò Văn Liên	1968		Thái	Thành phần khác	Bản Pá Nặm	
16	Lò Văn Táo	1962		Thái	Mặt trận bản	Bản Lửa Chang	
	Xã Mường Bú	25	1				
1	Tòng Văn Bình	1957		Thái	Cán bộ hưu	Bản Pu Luông	
2	Quảng Văn Pâng	1964		Thái	Thành phần khác	Bản Nà Nong	
3	Lèo Văn Ninh	1957		Thái	Già làng	Bản Phiêng Búng	
4	Quảng Văn Sương	1970		La Ha	Già làng	Bản Hìn Ban	
5	Lèo Văn Trục	1958		Thái	Chi hội NCT	Bản Nà Xi	
6	Doãn Văn Trình	1960		Kinh	Thành phần khác	Tiểu Khu 2	
7	Lò Văn Vui	1964		Thái	Thành phần khác	Bản Mường Bú	
8	Cầm Văn Bun	1947		Thái	Già làng	Bản Búng Diến	
9	Quảng Văn Bình	1955		Thái	Già làng	Bản Giản	
10	Lù Văn Chức	1961		Thái	Cán bộ hưu	Bản Cựp	
11	Lò Văn Hôm	1955		Thái	Chi hội NCT	Bản Chón	
12	Cà Văn Muôn	1948		Thái	Chi hội NCT	Bản Sang	
13	Lò Văn Hon	1955		Thái	Già làng	Bản Ngoạng	
14	Lò Văn Lánh	1957		Thái	Già làng	Bản Đông Luông	
15	Lò Văn Lả	1957		Thái	Già làng	Bản Nang Phai	
16	Tòng Văn San	1970		Thái	Chi hội Nông dân	Bản Bằng Phột	
17	Lò Văn Chiến	1981		Thái	Thành phần khác	Bản Huổi Cườm	
18	Quảng Văn Xôn	1952		Thái	Già làng	Bản Huổi Hào	
19	Vừ A Cửa	1951		Mông	Già làng	Bản Bó Cốp	
20	Vàng A Lạ	1965		Mông	Già làng	Bản Pá Tong	
21	Hờ A Dếnh	1982		Mông	Bí thư chi bộ, Trưởng bản	Bản Pá Xúm	
22	Lò Văn Học	1963		Thái	Già làng	Bản Búng	
23	Lê Thị Khánh		1954	Kinh	Cán bộ hưu	Tiểu Khu 1	
24	Tòng Văn Khựt	1934		Thái	Cán bộ hưu	Bản Văn Minh	
25	Lò Văn Inh	1955		Thái	Chi hội NCT	Bản Hua Bó	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
26	Quảng Văn Sừa	1947		Thái	Cán bộ hưu	Bản Ta Mo	
	Xã Chiềng Ân	6					
1	Tòng Văn Lả	1968		La Ha	Già làng	Bản Pá Xá Hồng	
2	Cứ A Súa	1956		Mông	Già làng	Bản Nong Hoi Dưới	
3	Cháng A Tráng	1957		Mông	Cán bộ hưu (TDH)	Bản Lạng Xua	
4	Thào A Kính	1980		Mông	Bí thư chi bộ, Trưởng bản	Bản Hán Trạng	
5	Cháng A Sừ	1965		Mông	Già làng	Bản Sạ Súng	
6	Phàng A Di	1965		Mông	Già làng	Bản Tà Pù Chừ	
	Xã Chiềng Muôn	6					
1	Lò Văn Sương	1969		La Ha	Thành phần khác	Bản Nong Quải	
2	Lò Văn Ặng	1980		La Ha	Bí thư chi bộ, trưởng bản	Bản Pá Kim	
3	Hàng A Vư	1980		Mông	Thành phần khác	Bản Cát Linh	
4	Giàng A Vạng	1976		Mông	Thành phần khác	Bản Hua Chiến	
5	Giàng A Dơ	1980		Mông	Thành phần khác	Bản Hua Kim	
6	Vàng A Chấu	1969		Mông	Thành phần khác	Bản Hua Đán	
	Xã Nặm Păm	10					
1	Lò Văn Cương	1952		Thái	Cán bộ hưu	Hua Nặm	
2	Lò Văn Sương	1964		La Ha	Già làng	Huổi Liếng	
3	Lò Văn Muôn B	1954		Thái	Già làng	Bản Hốc	
4	Lò Văn Lả	1959		La Ha	Già làng	Huổi Hốc	
5	Cà Văn Phanh	1944		Thái	Già làng	Bản Bâu	
6	Tòng Văn Ôn	1944		Thái	Già làng	Bản Piếng	
7	Giàng A Chá	1957		Mông	Già làng	Hua Piếng	
8	Quảng Văn Khan	1954		Thái	Cán bộ hưu	Bản Ít	
9	Mùa A.Chá	1964		Mông	Già làng	Huổi Có	
10	Sùng A Lạ	1957		Mông	Già làng	Nong Bẩu	
	Thị trấn Ít Ong	14					
1	Lò Văn Bương	1964		Thái	Thành phần khác	Bản Nà Lốc	
2	Quảng Văn Duyên	1966		Thái	Mặt trận bản	Bản Nong Heo	
3	Quảng Văn Khệt	1958		Thái	Thành phần khác	Tk Nang Cau	
4	Lường Văn Phương	1960		Thái	Chi hội trưởng Hội NCT	Bản Chiềng Tè	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
5	Lò Văn Khệ	1960		Thái	Chi hội trưởng Hội NCT	TK Hua Ít	
6	Lù Văn Ngâu	1961		Thái	Mặt trận bản	Bản Nà Tòng	
7	Lò Văn Hiếu	1957		Thái	Thành phần khác	Bản Nà Lo	
8	Lò Văn Phan	1946		Thái	Cán bộ hưu	Bản Nà Nong	
9	Lò Văn Phương	1959		Thái	Cán bộ hưu	TK Mé Liu	
10	Cà Văn Lào	1958		Thái	Cán bộ hưu	TK Ít Bon	
11	Quảng Văn Lánh	1962		Thái	Chi hội trưởng Hội NCT	TK Phiêng Tìn	
12	Tô Văn Thắng	1952		Kinh	Chi hội trưởng Hội NCT	Tiểu khu I	
13	Hà Văn Lộc	1949		Thái	Cán bộ hưu, Chi hội trưởng Hội ND	Tiểu khu II	
14	Đèo Văn Sức	1945		Thái	Cán bộ hưu	Tiểu khu III	
	Xã Hua Trai	10					
1	Thào A Nénh	1970		Mông	Già làng	Thảm Cọng	
2	Quảng Văn Chung	1962		LaHa	Già làng	Lọng Bong	
3	Thào A Thê	1963		Mông	Già làng	Pá Han	
4	Vì Văn Lả	1939		Thái	Hộ SXKDG	Phiêng Lờ	
5	Lò Văn Xiên	1959		Thái	Già làng	Bản Mễn	
6	Lò Văn Păn	1960		Thái	Già làng	Bản Po	
7	Tòng Văn Păn	1954		Thái	Già làng	Bản Ổ	
8	Quảng Văn Yêu	1963		Thái	Già làng	Đông khít	
9	Thào A Sưa	1968		Mông	Già làng	Nặm Hồng	
10	Quảng Văn Học	1958		Thái	Cán bộ hưu	Bản Lè	
	Xã Chiềng San	7					
1	Lèo Văn Nói	1952		Thái	Già làng	Bản Chiến	
2	Hàng A Hạo	1974		Mông	Thành phần khác	Bản Kéo Ốt	
3	Lò Văn Số	1964		Thái	Thành phần khác	Nong Luồng	
4	Lò Văn Học	1953		Thái	Thành phần khác	Pá Chiến	
5	Lò Văn Lịch	1962		Thái	Thành phần khác	Bản Lâm	
6	Ly A Dia	1981		Mông	Thành phần khác	Bản Pú Pẩu	
7	Ly A Cha	1975		Mông	Thành phần khác	Púng Quài	
	Xã Ngọc Chiến	15					
1	Giàng Nữ Páo	1971		Mông	Thành phần khác	Lọng Cang	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
2	Lò Bá Ân	1955		Thái	Cán bộ hưu	Mường Chiến	
3	Lò Văn Đầy	1953		Thái	Cán bộ hưu	Bản Lướt	
4	Quảng Văn Inh	1941		Thái	Cán bộ hưu	Bản Khua Vai	
5	Lèo Văn Tấn	1958		Thái	Già làng	Bản Phầy	
6	Lò Văn Dương	1961		Thái	Già làng	Bản Kè	
7	Lò Văn Biện	1953		Thái	Già làng	Mường Chiến II	
8	Cà Văn Song	1964		Thái	Già làng	Nà tau	
9	Mùa A Chứ	1968		Mông	Già làng	Giàng Phổng	
10	Lầu A Tủa	1978		Mông	Thành phần khác	Huổi Ngựa	
11	Sùng A Chu	1968		Mông	Già làng	Pú Dánh	
12	Lò Văn Phát	1955		Thái	Cán bộ hưu	Đông Xuông	
13	Kháng A Dáo	1970		Mông	Già làng	Nậm Nghep	
14	Sùng A Sạ	1962		Mông	Già làng	Chom Khâu	
15	Phàng A Chaur	1966		Mông	Già làng	Chăm Pọng	
	Xã Chiềng Lao	16					
1	Lường Văn Biển	1973		Thái	Thành phần khác	Bản Tà Sài	
2	Cà Văn Hoa	1952		Thái	Cao tuổi, cán bộ hưu	Bản nà Nong	
3	Lò Văn Kem	1972		Thái	Phó Bí thư chi bộ	Phiêng Cại	
4	Quảng Văn Cang	1950		Thái	Già làng	Bản Cun	
5	Cà Văn Hặc	1954		Thái	Thành phần khác	Huổi Choi	
6	Lò Văn Đưa	1959		Thái	Mặt trận bản	Bản Nhạp	
7	Lò Văn Piến	1966		Thái	Mặt trận bản	Bản Léch	
8	Lò Văn Toán	1974		Thái	Trưởng bản	Nà Cường	
9	Lò Văn Pùa	1969		Thái	Thành phần khác	Bản Mạ	
10	Lò Văn Khang	1977		La Ha	Thành phần khác	Huổi Tóng	
11	Lò Văn Châu	1973		La Ha	TB Công tác Mặt trận	Nà Léch	
12	Lường Văn Quyên	1975		Thái	Bí thư chi bộ	Xu Xâm	
13	Đèo Văn Lá	1973		Thái	Thành phần khác	Bản Pậu	
14	Vừ A Ly	1985		Mông	Thành phần khác	Phiêng Phả	
15	Lầu A Chai	1980		Mông	Thành phần khác	Đán Ến	
16	Vàng A Chấu	1983		Mông	Trưởng dòng họ	Pá Hậu	
	Xã Nậm Giôn	15					

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
1	Lò Văn Huôm	1960		La Ha	Già làng	Huổi Lẹ	
2	Mùa A Hua	1975		Mông	Già làng	Huổi Chà	
3	Lò Văn Phương	1970		Kháng	Già làng	Huổi Ngàn	
4	Ly A Vự	1975		Mông	Già làng	Huổi Pươi	
5	Quảng Văn Bun	1966		Kháng	Già làng	Huổi Tao	
6	Lò Văn Phát	1975		Kháng	Già làng	Pá Mông	
7	Hờ A Nênh	1956		Mông	Già làng	Huổi Săn	
8	Mùa A Dũa	1964		Mông	Già làng	Huổi Hốc	
9	Lò Văn Hoan	1966		Kháng	Cán bộ hưu	Pá Pù	
10	Quảng Văn Ánh	1968		La Ha	Già làng	Co Đưa	
11	Mùa A Tổng	1965		Mông	Già làng	Nằm Cùm	
12	Vạ A Dệnh	1932		Mông	Trưởng dòng họ	Đen Đin	
13	Lò Văn Đăm	1973		Kháng	Già làng	Pá Hợp	
14	Hờ A Tộng	1969		Mông	Già làng	Huổi Chèo	
15	Mùa A Páo	1956		Mông	Già làng	Púng Ngùa	
	Xã Chiềng Công	17					
1	Giàng A Sênh	1958		Mông	Cán bộ hưu	Đin Lanh	
2	Hàng A Tộng	1982		Mông	BT chi bộ, Trưởng Bản	Co Sủ Trên	
3	Mùa A Pó	1963		Mông	Già làng	Co Sủ Dưới	
4	Vàng A Trang	1950		Mông	Già làng	Tốc Tát Trên	
5	Giàng A Giống	1947		Mông	Già làng	Tốc Tát Dưới	
6	Quảng Văn Phương	1966		La ha	Già làng	Nằm Hồng	
7	Sùng A Lệnh	1953		Mông	Cán bộ hưu, thầy mo	Bản Mạo	
8	Hàng A Thọ	1968		Mông	Trưởng dòng họ	Kéo Hòm	
9	Giàng A Lộng	1973		Mông	Già làng	Khao Lao Dưới	
10	Mùa A Chổng (A)	1973		Mông	Già làng	Chông Du Tẩu	
11	Lù A Giàng	1967		Mông	Trưởng dòng họ	Hán Cá Thệnh	
12	Lầu A Cửa	1928		Mông	Già làng	Lọng Bó	
13	Lò Văn Bun	1964		La ha	Già làng	Nong Hùn	
14	Sùng A Vư (A)	1976		Mông	Già làng	Bản Mới	
15	Lầu A Thái	1972		Mông	Trưởng dòng họ	Pá Chè	
16	Giàng A Sộng	1962		Mông	Già làng	Khao Lao Trên	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
17	Mùa A Lữ	1964		Mông	Trưởng dòng họ, Hộ SXKDG	Tảo Ván	
	Xã Chiềng Hoa	14					
1	Ly A Dính	1970		Mông	Thành phần khác	Bản Lọng Sắn	
2	Lò Văn Loan	1967		Thái	Thành phần khác	Bản Chông	
3	Cà Văn Em	1964		Thái	Thành phần khác	Bản Mường Pịa	
4	Lò Văn Tiên	1968		Thái	Thành phần khác	Bản Nong Xưa	
5	Hoàng Văn Ụi	1949		Thái	Cán bộ hưu	Bản Tả	
6	Cà Văn Hối	1960		Thái	Chi Hội NCT	Bản Áng Nghịu	
7	Quảng Văn Bình	1958		Thái	Thành phần khác	Bản Hìn Phá	
8	Mùa A Dua	1978		Mông	Thành phần khác	Bản Pá Liềng	
9	Vàng A Co	1973		Mông	Thành phần khác	Bản Pháy Hượn	
10	Quảng Văn Diêm	1963		Thái	Chi Hội NCT	Bản Lửa Xe	
11	Quảng Văn Ngắm	1963		Thái	Mặt trận bản	Bản Hát Hay	
12	Quảng Văn Dòm	1964		Thái	Thành phần khác	Bản Phương Yên	
13	Mùa A Sú	1970		Mông	Thành phần khác	Bản Huổi Má	
14	Giàng A Dơ	1963		Mông	Thành phần khác	Bản Nong É	
	Xã Tạ Bú	12					
1	Sông A Thái	1980		Mông	Mặt trận bản	Bản Pá Tong	
2	Sông A Tra	1971		Mông	Già làng	Bản Thẩm Hon	
3	Lường Văn Phương	1957		Thái	Già làng	Bản Kết	
4	Lò Văn Mẩn	1956		Thái	Già làng	Bản Tạ Bú	
5	Lò Văn Hoàng	1967		Thái	Thầy mo, thầy cúng	Bản Mòn	
6	Lò Văn Sô	1962		Thái	Già làng	Bản Tạ Búng	
7	Lò Văn Ính	1963		Thái	Cán bộ hưu	Bản Pét	
8	Lò Văn Bánh	1965		Thái	Y tế bản	Bản Bắc	
9	Lò Văn Hao	1965		Thái	Già làng	Bản Pậu	
10	Lò Văn Đức	1965		Thái	Già làng	Bản Tôm	
11	Cà Văn Hồng	1964		Thái	Già làng	Bản Buôi	
12	Vừ A Tro (a)	1960		Mông	Già làng	Bản Chom Cọ	

BIỂU SỐ 02.2 - DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN HUYỆN MAI SƠN, GIAI ĐOẠN 2023 - 2027

(Kèm Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
	TỔNG	235	7				
	Thị trấn Hát Lót	1	0				
1	Hà Văn Hào	1957		Thái	Trưởng bản	Bản Dồm	
	Xã Mường Bon	9	0				
1	Tòng Văn Xanh	1946		Thái	Người dân	Bản Tà Xa	
2	Lường Văn Quân	1958		Thái	CB Hưu trí	Bản Mé	
3	Lò Văn Hậu	1957		Thái	Người dân	Bản Ổ Tra	
4	Tòng Văn Hặc	1936		Thái	CB Hưu trí	Bản Lằm	
5	Lò Văn Đình	1963		Thái	Người dân	Bản Thống nhất	
6	Lò Văn Có	1949		Thái	Người dân	Bản Mứn Đoàn Kết	
7	Quảng Văn Học	1958		Thái	Người dân	Bản Un	
8	Mùa A Hờ	1958		Mông	CB hưu	Bản Rừng Thông	
9	Nông Văn Nhọt	1943		Thái	Người dân	Bản Bon	
	Xã Mường Bằng	13	0				
1	Quảng Văn Ngôn	1956		Thái	Người dân	Bản Xùm Hào	
2	Lò Văn Pháur	1968		Thái	Người dân	Bản Nà Trai	
3	Cà Văn Nò	1958		Thái	Người dân	Bản Quỳnh Pầu	
4	Cà Văn Yên	1956		Thái	Người dân	Bản Phang Hụm Có	
5	Cà Văn Hoàng	1963		Thái	Người dân	Bản Giản Bon	
6	Lò Văn Quyết	1957		Thái	Người dân	Bản Quỳnh Châu	
7	Cà Văn Tói	1959		Thái	Người dân	Bản Lương Mạt	
8	Tòng Văn Long	1953		Thái	CB Hưu trí	Bản Liềng Quỳnh	
9	Quảng Văn Bun	1964		Thái	Người dân	Bản Cáp	
10	Tòng Văn È	1962		Thái	Người dân	Bản Bằng Thịnh	
11	Tòng Văn Lăm	1963		Thái	Người dân	Bản Săng	
12	Lò Văn Khiển	1954		Thái	Cb hưu	Bản Mé Mời	
13	Quảng Văn Tiếng	1976		Thái	Người dân	Bản Bó	
	Xã Chiềng Mai	6	4				
1	Lò Văn Điện	1959		Thái	Người dân	Bản Cơi Quỳnh	
2	Tòng Thị Xuân		1978	Thái	Người dân	Bản Pòn	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
3	Hà Văn Dương	1956		Thái	Người dân	Bản Cựp	
4	Lò Thị Soi		1971	Thái	Trưởng bản	Bản Vực Bon	
5	Cầm Hoàng Diễm	1962		Thái	Người dân	Bản Ban	
6	Hoàng Thị Yêng Mai		1968	Thái	Người dân	Bản Mé Mận	
7	Lò Văn Xuân	1959		Thái	Người dân	Bản Cuộm Sơn	
8	Hà Thị Chiên		1965	Thái	Người dân	Bản Co Sâu	
9	Lèo Văn Hậu	1969		Thái	Người dân	Bản Dăm Hoa	
10	Lò Thanh Quang	1957		Thái	Người dân	Bản Puồn Vạy	
	Xã Chiềng Nọi	15	0				
1	Lò Văn Nghiện	1963		Thái	Người dân	Bản Huổi Do	
2	Lò Văn Quynh	1966		Thái	CB Hưu trí	Bản Phé	
3	Lò Văn Chinh	1959		Thái	Người dân	Bản Cho Cong	
4	Sông A Sậu	1974		Mông	Người dân	Bản Pá Hốc	
5	Cầm Văn Diên	1965		Thái	Người dân	Bản Nhụng Trên	
6	Hà Văn Trọng	1964		Thái	Người dân	Bản Nhụng Dưới	
7	Sông A Vạng	1967		Mông	Người dân	Bản Co Hỉnh	
8	Hà Văn Muôn	1956		Thái	Người dân	Bản Bằng Ban	
9	Lường Văn Tường	1967		Thái	Người dân	Bản Huổi Sàng	
10	Tòng Văn Dân	1960		Thái	Người dân	Bản Sải Khao	
11	Lò Văn Măng	1962		Khơ mú	CB Hưu trí	Bản Phiêng Thắm	
12	Cầm Văn Doan	1960		Khơ mú	Người dân	Bản Phiêng Khôm	
13	Lường Văn Dồn	1965		Kmú	CB Hưu trí	Bản Nà Phặng	
14	Vừ Giống Nhịa	1952		Mông	Người dân	Bản Huổi Lấp	
15	Vàng giống Dua	1970		Mông	Người dân	Bản Hua Pư	
	Xã Phiêng Păn	19	0				
1	Lò Văn So	1986		Xinh Mun	Người dân	Bản Ta Vắt	
2	Vì Văn Thái	1960		Xinh Mun	Người dân	Bản Kết Nà	
3	Lò Văn Yêu	1972		Xinh Mun	Người dân	Bản Pá Nó	
4	Lò Văn Toàn	1970		Xinh Mun	Người dân	Bản Kết Hay	
5	Vì Văn Măng	1960		Xinh Mun	Người dân	Bản Co Hày	
6	Giàng A Tủa	1962		Mông	Người dân	Bản Pá Liềng	
7	Lò Văn Thái	1957		Xinh Mun	Người dân	Bản Nà Pồng	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
8	Vàng A Súa	1971		Mông	Người dân	Bản Pá Po	
9	Sông A Sậu	1975		Mông	Người dân	Bản Pá Ban	
10	Sông A Tàu	1964		Mông	Người dân	Bản Pá Tong	
11	Lò Văn Ân	1970		Xinh Mun	Người dân	Bản Xà Cành	
12	Lò Văn Măng	1958		Xinh Mun	Người dân	Bản Nà Nhụng	
13	Lò Văn Hao	1987		Xinh Mun	Người dân	Bản Bản Pên	
14	Vì Văn Xôm	1969		Xinh Mun	Người dân	Bản Phiêng Khàng	
15	Vì Văn Ồm	1966		Xinh Mun	Người dân	Bản Ta Lúc	
16	Lù Lao Giảng	1972		Mông	Người dân	Bản Bản Đen	
17	Vì Văn Pín	1957		Xinh Mun	Người dân	Bản Nà Hiên	
18	Lò Văn Phành	1972		Xinh Mun	Người dân	Bản Vít	
19	Sông A Trông	1989		Mông	Người dân	Bản Thán	
	Xã Phiêng Cầm	18	1				
1	Cầm Văn Pín	1966		Thái	Người dân	Bản Nong Tầu Thái	
2	Sùng A Dua	1973		Mông	Người dân	Bản Nong Tầu Mông	
3	Hà Văn Đoạn	1964		Thái	Người dân	Bản Nặm Pút	
4	Giảng A Sông	1975		Mông	Người dân	Bản Lọng Hòm	
5	Giảng A Câu	1962		Mông	Người dân	Bản Bon Trỏ	
6	Lò Văn Chơ	1974		Khơ Mú	Người dân	Bản Thẩm Hưn	
7	Sông A Long	1974		Mông	Người dân	Bản Huổi Thùng	
8	Sông A Lô	1982		Mông	Người dân	Bản Co Muông	
9	Cút Văn Sơ	1954		Khơ Mú	CB Hưu trí	Bản Hua Két	
10	Lù A Thào	1990		Mông	Người dân	Bản Huổi Thươn	
11	Sông A Súa	1968		Mông	Người dân	Bản Pú Tậu	
12	Khoa Văn Lợi	1978		Khơ Mú	Người dân	Bản Hua Nà	
13	Lò Thị Hom		1940	Khơ Mú	Người dân	Bản Phiêng Ngăn	
14	Hoàng Văn Sơn	1961		Thái	Người dân	Bản Cù	
15	Giảng A Đa	1958		Mông	CB Hưu trí	Bản Nong Xà Nghè	
16	Mùa A Măng	1975		Mông	Người dân	Bản Huổi Nhà	
17	Giảng A Dơ	1983		Mông	Trưởng bản	Bản Phiêng Phụ	
18	Hoàng Văn Trạng	1953		Thái	Người dân	Bản Xà Liệt	
19	Giảng A Khay	1964		Mông	Người dân	Bản La Va	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
	Xã Nà Ốt	11	0				
1	Hoàng Văn Máy	1964		Thái	Người dân	Bản Ốt Chả	
2	Hà Văn Ôn	1956		Thái	Người dân	Bản Xà Vịt	
3	Hà Văn Ký	1956		Thái	Người dân	Bản Lọ Dên	
4	Lò Văn Pọm	1952		Thái	Người dân	Bản Nà Hạ	
5	Tòng Văn Piềng	1962		Xinh mun	Người dân	Bản Nà Un	
6	Lò Văn Cương	1976		Thái	Người dân	Bản Há Sét	
7	Giàng A Chua	1982		Mông	Người dân	Bản Pá Sung	
8	Lò Văn Nới	1973		Thái	Người dân	Bản Xà Kia	
9	Lù A Lừ	1980		Mông	Người dân	Bản Lụng Cuông	
10	Lò Văn Tươi	1964		Thái	Người dân	Bản Trạm Hin	
11	Sông A Sáy	1979		Mông	Người dân	Bản Nặm Lanh	
	Xã Tà Hộc	8	0				
1	Hà Văn Miếng	1962		Mường	Người dân	Bản Mường	
2	Nông Văn May	1963		Thái	Người dân	Bản Pơn	
3	Lò Văn Ngâu	1953		Thái	Người dân	Bản Bơ	
4	Giàng A Lệnh	1978		Mông	Người dân	Pá Hốc	
5	Vì Văn Chiễn	1947		Thái	Cán bộ hưu	Bản Hộc	
6	Tòng Văn Phanh	1962		Thái	Người dân	Bản Mòng	
7	Mê Văn Chum	1957		Khơ mú	Người dân	Bản Pù Tền	
8	Vàng A Vư	1967		Mông	Người dân	Bản Pá Nó	
	Xã Chiềng Dong	8	0				
1	Lò Văn Điểm	1960		Thái	Người dân	Bản Nà Khoang	
2	Hoàng Văn Đoàn	1955		Thái	Người dân	Bản Dè	
3	Hà Văn Tương	1974		Thái	Người dân	Bản Lò Um	
4	Lò Văn Liêm	1975		Thái	Người dân	Bản Nhịu Cọ	
5	Cầm Văn Cấp	1960		Thái	Người dân	Bản Liềng	
6	Sùng A Da	1965		Mông	Người dân	Bản Pặc Ngần	
7	Sông A Lanh	1990		Mông	Người dân	Bản Pha Đin	
8	Lò Văn Biên	1957		Thái	Người dân	bản Khoáng Biên	
	Xã Chiềng Kheo	5	0				
1	Hằng A Vàng	1990		Mông	Công an viên	Bản Páng Sắng	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
2	Hoàng Văn Mai	1962		Thái	Bí thư chi bộ	Bản Nà Viên	
3	Hà Văn Phấn	1975		Thái	Trưởng Ban công tác mặt trận bản	Bản Có Tình	
4	Lường Văn Óng	1943		Thái	Người dân	Bản Buốt Văn	
5	Lò Văn Cương	1961		Thái	Người dân	Bản Lon Kéo	
	Xã Chiềng Ve	5	0				
1	Hà Văn Kinh	1959		Thái	Người dân	Bản Púng	
2	Tòng Văn Khùn	1959		Thái	CB Hưu trí	Bản Vuông Mè	
3	Lò Văn Phóng	1953		Thái	Người dân	Bản Sươn Mè	
4	Quảng Văn Mằng	1960		Thái	Người dân	Bản Khiềng	
5	Quảng Văn Miên	1961		Thái	Người dân	Bản Thẩn	
	Xã Mường Chanh	6	1				
1	Cầm Thị Mai		1964	Thái	Người dân	Bản Nặm Bông	
2	Cầm Văn Sung	1957		Thái	Người dân	Bản Nà Cà	
3	Lương Văn Kim	1974		Thái	Người dân	Bản Hòm Lợi	
4	Vì Văn Lĩa	1955		Thái	Người dân	Bản Ten Hĩa	
5	Nông A Qì	1943		Thái	Người dân	Bản Cang Mường	
6	Hà Văn Hè	1959		Thái	Người dân	Bản Đen	
7	Tòng Quốc Lò	1966		Thái	Người dân	Bản Pon Chằm	
	Xã Chiềng Chung	10	0				
1	Hà Văn Thom	1957		Thái	Người dân	Bản Ngòi	
2	Lường Văn Quyền	1983		Thái	Người dân	Bản Nghịu	
3	Hà Văn Bình	1957		Thái	Người dân	Bản Nam	
4	Hà Văn Hương	1969		Thái	Người dân	Bản Khoa	
5	Lò Văn Luân	1946		Thái	Cán bộ hưu	Bản Hạm	
6	Lò Văn Độc	1954		Thái	Người dân	Bản Máy	
7	Cầm Văn Thiện	1965		Thái	Người dân	Bản Mé	
8	Sông Văn Long	1979		Mông	Người dân	Bản Xam Ta	
9	Giàng A Tinh	1958		Mông	Người dân	Bản Ít Hò	
10	Đinh Văn Luận	1979		Mường	Người dân	Bản Tường Chung	
	Xã Hát Lót	12	0				
1	Hà Văn Thiệu	1985		Mường	Người dân	Bản Nà Sắng	
2	Lò Văn Phúc	1949		Thai	Người dân	Bản Búng Lay	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
3	Lò Văn Lanh	1962		Thái	Người dân	Bản Cù Nghè	
4	Lò Văn Diễn	1962		Thái	Người dân	Bản Yên Tiến	
5	Lò Cường Thịnh	1957		Thái	CB Hưu trí	Bản Nà Hạ	
6	Mê Văn Hùng	1962		Khơ Mú	Người dân	Bản Phiêng Trai	
7	Lò Văn Phân	1957		Thái	Người dân	Bản Lọng Khoang	
8	Tòng Văn Sức	1954		Thái	CB Hưu trí	Bản Nậm Ban	
9	Lò Văn Phóng	1970		Thái	Người dân	Bản Nà Sy	
10	Lèo Văn Thiêu	1962		Thái	Người dân	Bản Ngồ Hén	
11	Tòng Văn Toàn	1975		Thái	Người dân	Bản Lót Tiến	
12	Lò Văn Vinh	1964		Thái	Người dân	Bản 428	
	Xã Nà Bó	11	0				
1	Lèo Văn Cầu	1946		Thái	Người dân	Bản Nà Bó	
2	Hàng A Chừ	1956		Mông	Người dân	Bản Pá Đông	
3	Sông A Dơ	1979		Mông	Trưởng bản	Bản Kéo Bó	
4	Mùa A Giáo	1929		Mông	Người dân	Bản Sơn Tra	
5	Lèo Văn Hoán	1963		Thái	Trưởng bản	Bản Nà Đuôi	
6	Lèo Văn Sỹ	1961		Thái	Người dân	Bản Trung Thành	
7	Lò Văn Pành	1936		Thái	Người dân	Bản Nà Hường	
8	Cháng A Súa	1970		Mông	Người dân	Bản Phiêng Hịnh	
9	Lèo Văn Lạc	1958		Thái	Người dân	Bản Nà Pát	
10	Điêu Văn Toàn	1950		Thái	Người dân	Tiểu khu 8	
11	Lường Văn Thành	1958		Khơ Mú	Người dân	Bản Cáp Na	
	Xã Chiềng Mung	14	0				
1	Tòng Văn Văn	1959		Thái	Người dân	Bản Kẹ Nhừm	
2	Lò Văn Hung	1952		Thái	Người dân	Thôn Đoàn Kết	
3	Lò Văn Phúc	1963		Thái	Người dân	Bản Nà Sang	
4	Hà Văn Phúc	1954		Thái	Người dân	Bản Lầu	
5	Lò Văn Biên	1967		Thái	Người dân	Bản Hời	
6	Hoàng Văn Huân	1984		Thái	trưởng bản	Bản Lo	
7	Hà Văn Tường	1969		Thái	BTCB, 'trưởng bản	Bản Đúc Hản	
8	Hà Văn Toàn	1960		Thái	CB Hưu trí	Bản Xum	
9	Hà Văn Hiệp	1950		Thái	Người dân	Bản Bản Mạt	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
10	Hà Văn Đồi	1957		Thái	Người dân	Bản Nà Hạ 1	
11	Hà Văn Phan	1950		Thái	Người dân	Bản Nà Hạ 2	
12	Lò Văn Dân	1954		Thái	CB Hưu trí	Bản Phát	
13	Lò Văn Ký	1957		Thái	Người dân	Bản Bôm Cưa	
14	Hà Văn Măng	1966		Thái	Người dân	Bản Thống Nhất	
	Xã Chiềng Chăn	14	0				
1	Hờ A Pó	1972		Mông	Trưởng ban Mặt trận	Bản Yên Bình	
2	Mùa A Chá	1982		Mông	Bản đội trưởng	Bản Tong Tài A	
3	Vàng A Cùa	1942		Mông	Người dân	Bản Tong Tài B	
4	Lèo Văn Thịnh	1957		Thái	Công an viên	Bản Phường	
5	Lò Văn Phung	1954		Thái	CB hưu	Bản Sài Lương	
6	Hoàng Văn Thi	1960		Thái	Bí thư Chi bộ, trưởng bản	Bản Chan Chiềng	
7	Hà Văn Phương	1967		Thái	Chi hội trưởng Hội Nông dân	Bản Hùn	
8	Lường Văn Thân	1964		Thái	Người dân	Quỳnh Nam	
9	Lò Văn Hợp	1958		Thái	Trưởng ban Mặt trận	Bản Chiềng Đen	
10	Vàng A Sênh	1977		Mông	Bí thư chi bộ, trưởng bản	Bản Huổi Hải	
11	Vàng A Păng	1964		Mông	Người dân	Bản Tong Chiềng	
12	Vàng A Dổng	1963		Mông	Người dân	Bản Nặm Luông	
13	Tòng Văn Điều	1951		Thái	CB Hưu	Bản Kiểng	
14	Lèo Văn Thòa	1969		Thái	Bí thư chi bộ, trưởng bản	Bản Sy	
	Xã Chiềng Sung	7	1				
1	Quảng Văn Kim	1961		Thái	Người dân	Bản Nong Sơn	
2	Cà Văn Nội	1951		Thái	Người dân	Búc A	
3	Lường Văn Xương	1936		Thái	Người dân	Bản Thống Nhất	
4	Mùa A Tú	1950		Thái	Người dân	Bản Nong Bình	
5	Lường Thị Vịn		1953	Mông	Người dân	Bản Bó Quỳnh	
6	Lò Văn Phanh	1963		Thái	Người dân	Bản Quỳnh Tám	
7	Lò Văn Phớ	1952		Thái	Người dân	Bản Chạm Cầu	
8	Lầu A Dia	1957		Thái	Người dân	Bản Phát Nam	
	Xã Chiềng Lương	17	0				
1	Hà Văn Hùng	1976		Thái	Người dân	Bản Mòn 2	
2	Quảng Văn Thân	1972		Thái	Người dân	Bản Oi	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
3	Thào A Hịa	1989		Mông	Trưởng bản	Bản Kéo Lồm	
4	Lò Văn Nhiên	1966		Xinh Mun	Người dân	Bản Phú Lương	
5	Lò Văn Haừ	1949		Thái	Người dân	Bản Lạn Quỳnh	
6	Lò Văn Huồm	1960		Thái	Người dân	Bản Chi	
7	Cầm Văn Mưu	1963		Thái	Người dân	Bản Ý Lường	
8	Lò Văn Tâm	1965		Thái	Người dân	Bản Mật Sàng	
9	Thào Xuân Lù	1971		Mông	Người dân	Bản Lụng Tra	
10	Hà Văn Sơn	1964		Thái	Người dân	Bản Lù	
11	Cầm Văn Thi	1963		Thái	Người dân	Bản Phiêng Nọi	
12	Thào A Sừ	1995		Mông	Người dân	Bản Búa Bon	
13	Cầm Văn Lai	1977		Thái	Người dân	Bản Mòn 1	
14	Lý A Chông	1991		Mông	Trưởng bản	Buồm Khoang	
15	Lò Văn Loi	1965		Thái	Người dân	Bản Tàng	
16	Lường Văn Phóng	1965		Thái	Người dân	Bản Pó In	
17	Thào A Lau	1972		Mông	Người dân	Bản Thảm Phẳng	
	Xã Cò Nòi	17	0				
1	Lò Văn Châm	1950		Thái	Người dân	Bản Mu Kít	
2	Đieu Chính Bầu	1949		Thái	Người dân	Bản Quỳnh Tiến	
3	Vấn Văn Cồn	1952		Thái	Người dân	Bản Bình Yên	
4	Lường Văn Tỳ	1950		Thái	Người dân	Bản Nhập	
5	Vì Văn Sào	1954		Thái	Người dân	Bản Lếch	
6	Mùa A Lụ	1966		Mông	Người dân	Bản Nà Cang	
7	Sông A Chừ	1974		Mông	Người dân	Bản Phiêng Hỳ	
8	Hoàng Văn Lún	1945		Thái	Người dân	Bản Quỳnh Sơn	
9	Lò Văn May	1940		Thái	Người dân	Bản Hua Tát	
10	Lò Văn Giót	1945		Thái	Người dân	Bản Nong Quỳnh	
11	Lò Văn Viên	1946		Thái	Người dân	Bản Mòn	
12	Lò Văn Chiến	1953		Thái	Người dân	Bản Cò Nòi	
13	Lò Văn Quý	1965		Thái	Người dân	bản Nong Te	
14	Lò Văn Muôn	1958		Thái	Người dân	Bản Đại Phát	
15	Lò Văn Nghị	1951		Thái	Người dân	Bản Sơn Pha	
16	Hà Văn Chóc	1958		Thái	Người dân	Bản Hin Thuội	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
17	Giàng A Tộng	1964		Mông	Người dân	Bản Nong Mòn	
	Xã Chiềng Ban	9	0				
1	Hoàng Văn Hôn	1950		Thái	Người dân	Bản Thạy Lồm 6/1	
2	Lò Văn È	1952		Thái	Người dân	Bản Kéo Tóc	
3	Hoàng Văn Nhẫn	1954		Thái	Người dân	Bản Áng Ứng	
4	Lò Văn Hộn	1938		Thái	Người dân	Bản Mai Khoang	
5	Hà Văn Vui	1949		Thái	Người dân	Bản Cù	
6	Lèo Văn Sơn	1944		Thái	Người dân	Bản Ót	
7	Lèo Văn Hôn	1959		Thái	Người dân	Bản Sàng Nà Tre	
8	Lò Văn Chôm	1956		Thái	Người dân	Bản Phiêng Quài Tong Chính	
9	Lò Văn Phong	1952		Thái	Người dân	Bản Thộ Pát	

BIỂU SỐ 02.3 - DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN HUYỆN YÊN CHÂU, GIAI ĐOẠN 2023 - 2027

(Kèm Quyết định số 2575 /QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
	TỔNG	143	4				
	Xã Chiềng Đông	11	1				
1	Hoàng Văn Dương	1958		Thái	CB hưu	Bản Nhôm	
2	Hoàng Văn Chương	1960		Thái	Người dân	Bản Chùm	
3	Hoàng Văn Kong	1956		Thái	Mặt trận bản	Bản Hượn	
4	Lò Văn Tới	1958		Thái	Hội cao tuổi bản	Bản Chai	
5	Lừ Văn Chiến	1964		Thái	Người dân	Huổi Pù	
6	Hoàng Văn Ông	1959		Thái	CB hưu	Thèn Luông	
7	Quảng Văn Thường	1965		Thái	Người dân	Nậm Ún	
8	Quảng Thị Đót		1967	Thái	Người dân	Luông Mé	
9	Hoàng Văn Bóng	1964		Thái	Người dân	Đông Tấu	
10	Hoàng Văn Sum	1959		Thái	Mặt trận bản	Na Pán	
11	Mùa A Măng	1962		Mông	Người dân	Huổi Siêu	
12	Sông A Tông	1950		Mông	Người dân	Suối Dương	
	Xã Chiềng Sàng	7					
1	Hoàng Văn Đào	1951		Thái	Mặt trận bản	Bản Chiềng Sàng	
2	Lò Hoàng Yên	1956		Thái	Cán bộ hưu	Bản Chiềng Sàng 2	
3	Lường Văn Chính	1952		Thái	Người dân	Bản Mo	
4	Lò Văn Hòa	1960		Thái	Cán bộ hưu	Bản Búng Mo	
5	Hoàng Văn Cầu	1948		Thái	Người dân	Bản Đán	
6	Lò Văn Chung	1965		Thái	Mặt trận bản	Bản Đán 2	
7	Lò Văn Minh	1962		Thái	Người dân	Bản Mai Ngập	
	Chiềng Păn	5	1				
1	Lò Văn Khởi	1957		Thái	Cán bộ hưu	Bản Ngựa	
2	Lò Văn Sán	1958		Thái	Người dân	Bản Boong Xanh	
3	Hoàng Văn Phứa	1957		Thái	Người dân	Bản Sốp Sạng	
4	Quảng Thị Dừng		1968	Thái	Người dân	Bản Phát	
5	Hà Văn Châm	1954		Khơ Mú	Cán bộ hưu	Bản Thàn	
6	Vì Văn Đào	1960		Thái	Người dân	Bản Pang Héo	
	Xã Viêng Lán	4	1				

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
1	Vì Văn Lầy	1950		Thái	Cán bộ hưu	Nà Và	
2	Hoàng Văn Phớ	1960		Thái	Trưởng bản	Mường Vạt	
3	Quảng Thị Hóa		1962	Thái	Người dân	Huổi Hẹ	
4	Lừ Văn Thành	1980		Thái	Người dân	Huổi Qua	
5	Lừ Văn Viễn	1959		Thái	Trưởng bản	Kho Vàng	
	Xã Chiềng Khoi	6					
1	Lò Văn Dong	1957		Thái	Mặt trận bản	Bản Hiêm	
2	Mê Văn Váng	1955		Thái	Cán bộ hưu	Bản Pút	
3	Mê Tiến Đăm	1957		Thái	Cán bộ hưu	Bản Tùm	
4	Lừ Văn Kẹo	1938		Thái	Cán bộ hưu	Bản Mé	
5	Hoàng Văn Xuân	1963		Thái	Cán bộ hưu	Bản Na Đông	
6	Hoàng Văn Quang	1976		Thái	Trưởng bản	Bản Ngoàng	
	Xã Sập Vạt	11					
1	Quảng Văn Hoa	1964		Thái	Cán bộ hưu	Bản Bất Đông	
2	Quảng Văn Châm	1963		Khơ Mú	Người dân	Bản Khóng	
3	Quảng Văn Xiềng	1967		Thái	Cán bộ hưu	Bản Nà Khái	
4	Lò Văn Khù	1941		Thái	Cán bộ hưu	Bản Nghè	
5	Mê Văn Sám	1958		Thái	Cán bộ hưu	Bản Thín	
6	Quảng Văn Luống	1957		Thái	Người dân	Bản Khá	
7	Mê Văn Sáy	1957		Thái	Người dân	Bản Mệt Sai	
8	Quảng Văn Dương	1959		Thái	Cán bộ hưu	Bản Na Pa	
9	Sông A Dơ	1979		Mông	Người dân	Bản Pá Sang	
10	Hoàng Văn Hoà	1969		Thái	Người dân	Bản Nhúng	
11	Sông A Lù	1987		Mông	Bí thư Chi bộ	Bản Nóng Khéo	
	Xã Chiềng Hặc	13					
1	Hà Văn Keo	1958		Thái	Người dân	Bản Huổi Thón	
2	Hà Văn Tổ	1946		Thái	Cán bộ hưu	Bản Nà Ngà	
3	Lò Văn Đôi	1956		Thái	Cán bộ hưu	Bản Huổi Mong	
4	Quảng Văn Sướng	1956		Thái	Người dân	Bản Tà Vài	
5	Quảng Văn Chủ	1961		Thái	Người dân	Bản Phiêng Lắc	
6	Vì Văn Hóa	1973		Xinh Mun	Người dân	Bản Pa Hốc	
7	Hà Văn Bông	1960		Thái	Người dân	Bản Huổi Sét	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
8	Mùa Lao Tủa	1979		Mông	Người dân	Bản Hang Hóc	
9	Mùa A Nú	1980		Mông	Người dân	Bản Co Sáy	
10	Vàng Lao Cầu	1966		Mông	Người dân	Bản Chi Đầy	
11	Vàng Lao Dua	1971		Mông	Người dân	Bản Bó Kiếng	
12	Lừ Văn Xé	1959		Thái	Người dân	Bản Cang	
13	Hà Văn Siêng	1965		Thái	Người dân	Bản Văng Lùng	
	Xã Mường Lựm	7					
1	Hoàng Văn Mến	1953		Thái	Cán bộ hưu	Bản Mường Lựm	
2	Vừ Lao Long	1976		Mông	Người dân	Bản Khâu Khoang	
3	Thào Lao Dế	1976		Mông	Người dân	Bản Ôn Ốc	
4	Hà Văn Nam	1969		Thái	Người dân	Bản Luông	
5	Mùa Giảng Páo	1954		Mông	Người dân	Bản Giáo	
6	Hoàng Văn Chương	1958		Thái	Người dân	Bản Nà Lắng	
7	Thào A Giồng	1984		Mông	Người dân	Bản Pa Khôm	
	Xã Tú Nang	22					
1	Lò Văn E	1956		Thái	Cán bộ hưu	Bản Đông Khùa	
2	Vì Văn Kỳ	1964		Thái	Người dân	Bản Tà Làng Trung	
3	Phạm Long Vương	1959		Mường	Người dân	Bản Tà Làng Cao	
4	Hà Văn Phương	1942		Thái	Cán bộ hưu	Bản Nà Khoang	
5	Vì Viễn Lâm	1948		Thái	Người dân	Bản Tà Làng Thấp	
6	Vì Văn Đưa	1958		Thái	Người dân	Bản Chiềng Ban I	
7	Lường Văn Biên	1945		Thái	Người dân	Bản Chiềng Ban II	
8	Hoàng Văn Hoạt	1963		Thái	Người dân	Bản Cốc Lắc	
9	Hoàng Văn Chứa	1952		Thái	Người dân	Bản Suối Phà	
10	Lò Văn Mú	1956		Thái	Người dân	Bản Tú Quỳnh	
11	Lò Văn Suối	1953		Thái	Người dân	Bản Tin Tốc	
12	Hoàng Văn Luân	1970		Thái	Người dân	Bản Nàng Yên	
13	Thào A Sênh	1952		Mông	Người dân	Bản Bó Mon	
14	Lò Văn Bốn	1956		Xinh Mun	Trưởng bản	Bản Cốc Nông	
15	Vì Văn Ảnh	1970		Xinh Mun	Người dân	Bản Cốc Cù	
16	Thào Lao Khoa	1978		Mông	Người dân	Bản Nong Pét	
17	Vì Văn Sấn	1961		Xinh Mun	Người dân	Bản Hua Đán	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
18	Mùa A Sênh	1973		Mông	Người dân	Bản Cay Ton	
19	Thào A Trống A	1970		Mông	Trưởng bản	Bản Co Tông	
20	Hà Văn Khái	1953		Thái	Trưởng bản	Bản Suối Bùn	
21	Lường Đức Thiệu	1960		Thái	Người dân	Bản Trung Tâm	
22	Hoàng Văn Đũa	1961		Thái	Người dân	Bản Lắc Kén	
	Xã Lóng Phiêng	8					
1	Vì Văn Khăm	1957		Xinh Mun	Cán bộ hưu	Bản Pha Cúng	
2	Vì Văn Sạnh	1959		Xinh Mun	Cán bộ hưu	Bản Tà Vàng	
3	Vì Văn Túng	1974		Xinh Mun	Trưởng bản	Bản Nà Mùa	
4	Lò Thanh Vát	1955		Thái	Cán bộ hưu	Bản Mơ Tươi	
5	Vì Văn Khoan	1984		Xinh Mun	Người dân	Bản Nong Đúc	
6	Tồng Văn Tối	1959		Thái	Cán bộ hưu	Bản Quỳnh Phiêng	
7	Thào A Chà	1966		Mông	Người dân	Bản Cò Chĩa	
8	Lò Văn Biển	1972		Thái	Trưởng bản	Bản Tô Quỳnh	
	Xã Chiềng Tương	9					
1	Lia Xuân Tơ	1945		Mông	Cán bộ hưu	Bản Pa Kha I	
2	Lia Xuân Giang	1962		Mông	Cán bộ hưu	Bản Pa Kha II	
3	Mùa Páo Lý	1962		Mông	Cán bộ hưu	Bản Pôm Khốc	
4	Tỉnh Lao Sòng	1974		Mông	Bí thư Chi bộ	Bản Đin Chí	
5	Giàng A Vắng	1975		Mông	Bí thư Chi bộ	Bản Đề A	
6	Thào Lao La	1963		Mông	Người dân	Bản Co Lắc	
7	Phàng Lao Súa	1956		Mông	Người dân	Bản Bó Hin	
8	Phàng Lao An	1969		Mông	Người dân	Bản Pa Khôm	
9	Giàng A Sang	1962		Mông	Cán bộ hưu	Bản Pa Kha III	
	Xã Phiêng Khoài	22	1				
1	Mùa A Súa	1966		Mông	Người dân	Bản Páo Cửa	
2	Hoàng Văn Khoa	1936		Thái	Cán bộ hưu	Bản Quỳnh Chung	
3	Vì Văn Nhọt	1959		Thái	Người dân	Bản Ten Luông	
4	Vì Văn Hầy	1975		Xinh Mun	Người dân	Bản Đan Đón	
5	Vì Tiến Xôm	1942		Xinh Mun	Người dân	Bản Tam Thanh	
6	Sòng Lao Khang	1965		Mông	Người dân	Bản Co Mon	
7	Vì Văn Vầu	1959		Xinh Mun	Cán bộ hưu	Bản Tà Ẻn	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
8	Tỉnh Lao Sênh	1968		Mông	Người dân	Bản Lao Khô 2	
9	Vì Văn Pin	1953		Xinh Mun	Người dân	Bản Nặm Bó	
10	Vì Thị Mun		1964	Xinh Mun	Người dân	Bản Cồn Huất 2	
11	Vì Văn Mới	1968		Xinh Mun	Người dân	Bản Cồn Huất 1	
12	Điêu Chính Phanh	1954		Thái	Cán bộ hưu	Bản Quỳnh Liên	
13	Vì Văn Ứt	1964		Xinh Mun	Người dân	Bản Bó Sinh	
14	Vì Văn Nghè	1958		Xinh Mun	Người dân	Bản Keo Muông	
15	Hoàng Văn Kéo	1948		Thái	Người dân	Bản Ái II	
16	Sông A Vàng	1978		Mông	Người dân	Bản Na Lù	
17	Vì Văn Sính	1962		Xinh Mun	Người dân	Bản Con Khảm	
18	Vì Văn Sồ	1964		Xinh Mun	Người dân	Bản Bó Rôm	
19	Vì Văn Ám	1970		Xinh Mun	Người dân	Bản Huổi Sai	
20	Vì Văn Phế	1957		Thái	Người dân	Bản Ái I	
21	Vàng A Dơ	1980		Mông	Người dân	Bản Hang Cẩn	
22	Tráng Lao Lử	1942		Mông	Cán bộ hưu	Bản Lao Khô 1	
23	Mề Văn Ứng	1950		Xinh Mun	Người dân	Bản Na Nhươi	
	Xã Chiềng On	12					
1	Giàng A Páo	1966		Mông	Người dân	Bản Keo Đồn	
2	Sông Lao Khô	1981		Mông	Người dân	Bản Suối Cút	
3	Giàng Lao Tăng	1966		Mông	Người dân	Bản Ta Liễu	
4	Vì Văn Hặc	1969		Xinh Mun	Doanh nhân, người sản xuất giỏi	Bản Trạm Hốc	
5	Vì Văn Hóa	1969		Xinh Mun	Thầy cúng	Bản Nà Cài	
6	Vì Văn Lóm	1961		Xinh Mun	Doanh nhân, người sản xuất giỏi	Bản Trảng Nặm	
7	Vàng Lao La	1964		Mông	Người dân	Bản Đin Chí	
8	Vì Văn Xồm	1963		Xinh Mun	Thầy cúng	Bản Nà Đít	
9	Vì Văn Luống	1968		Xinh Mun	Người dân	Bản Nà Dạ	
10	Lò Văn Ếm	1958		Xinh Mun	Trưởng bản	Bản Khuông	
11	Vì Văn Bình	1976		Xinh Mun	Người dân	Bản Co Tôm	
12	Vì Văn Chung	1969		Xinh Mun	Thầy cúng	Bản A La	
	Xã Yên Sơn	6					
1	Lò Văn Đức	1945		Thái	Người dân	Bản Đán	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
2	Lò Văn Hặc	1957		Thái	Người dân	Bản Quỳnh Sơn	
3	Lừ Văn Trung	1968		Thái	Người dân	Bản Phương Quỳnh	
4	Lò Văn Lê	1955		Thái	Người dân	Bản Cò Chĩa	
5	Sa Văn Nhẫn	1954		Thái	Cán bộ hưu	Bản Chờ Lồng	
6	Kiều Đức Ban	1969		Thái	Người dân	Bản Đán I	

BIỂU SỐ 02.4 - DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN HUYỆN VÂN HỒ, GIAI ĐOẠN 2023 - 2027

(Kèm Quyết định số **2575** /QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
	TỔNG	112	1				
	Xã Lóng Luông	9	0				
1	Mùa A Sồng	1963		Mông	Cán bộ hưu	Bản Tân Thành	
2	Sồng A Lự	1980		Mông	Trưởng bản	Bản Sa Lai	
3	Giàng A Pàng	1956		Mông	Cán bộ hưu	Bản Nà Sàng	
4	Hờ A Khúa	1973		Mông	Thành phần khác	Bản Dúp Kén	
5	Tráng A Khúa	1952		Mông	Cán bộ hưu	Bản Nặm Dên	
6	Ngần Văn Ý	1970		Thái		Bản Khò Hồng	
7	Giàng A Giồng	1966		Mông	Già làng	Bản Suối Quanh	
8	Tếnh A Sua	1969		Mông	Già làng	Bản Săn Cài	
9	Giàng A Tú	1972		Mông	Già làng	Bản Tà Dê	
	Xã Chiềng Xuân	7	0	7			
1	Phàng A Phà	1960		Mông	Già làng	Bản Tân Thành	
2	Sồng A Dénh	1969		Mông	Trưởng dòng họ	Bản Sa Lai	
3	Lò Văn Ngoán	1960		Mường	Bí thư chi bộ	Bản Nà Sàng	
4	Vì Văn Huấn	1991		Thái	Trưởng bản	Bản Dúp Kén	
5	Phàng A Sào	1980		Mông	Ban CT MT	Bản Nặm Dên	
6	Phàng A Tu	1964		Mông	Bí thư chi bộ	Bản Khò Hồng	
7	Đình Công Nhị	1955		Mường	Già làng	Bản Suối Quanh	
	Xã Chiềng Yên	9	0	9			
1	Bùi Văn Chinh	1959		Mường	Thầy mo	Bản Nà Bai	
2	Hà Văn Quang	1954		Thái	Cán bộ hưu	Bản Niên	
3	Hà Văn Lương	1959		Thái	Già làng	Bản Phụ Mẫu	
4	Hà Văn Thiện	1951		Thái	Già làng	Bản Yên Thành	
5	Ngần Văn Trọng	1956		Thái	Già làng	Bản Suối Mực	
6	Bàn Văn Và	1960		Dao	Già làng	Bản Piềng Chà	
7	Vì Mạnh Khường	1950		Thái	Cán bộ hưu	Bản Hợp Thành	
8	Bàn Văn Xiên	1956		Dao	Thầy mo	Bản Phà Lè	
9	Lý Văn Đức	1964		Dao	Thầy mo	Bản Pà Puộc	
	Xã Song Khũa	9	0	9			
1	Đình Công Phúc	1955		Mường	Già làng	Bản Co Súc	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
2	Vì Văn Quý	1942		Thái	Cán bộ hưu	Bản Tà Lạc	
3	Đinh Bình Ly	1960		Mường	Cán bộ hưu	Bản Lóng Khủa	
4	Mùi Văn Xiên	1953		Mường	Già làng	Bản Tàu Dầu	
5	Mùi Văn Đống	1957		Mường	Già làng	Bản Co Hó	
6	Quách Công Thân	1965		Mường	Thành phần khác	Bản Un	
7	Đinh Thế Chiêu	1957		Mường	Cán bộ hưu	Bản Tầm Phế	
8	Đinh Văn Cục	1966		Mường	Thành phần khác	Bản Song Hưng	
9	Mùi Văn Vững	1979		Mường	Thành phần khác	Bản Suối Sấu	
	Xuân Nha	8	0	8			
1	Hà Văn Hạnh	1957		Mường	Thầy mo	Bản Pù Lầu	
2	Lò Văn Pốp	1964		Mường	Thành phần khác	Bản Tun	
3	Đinh Công Mây	1969		Mường	Thành phần khác	Bản Nà Hiềng	
4	Hà Văn Suối	1947		Thái	Cán bộ hưu	Bản Chiềng Nưa	
5	Vì Văn Đức	1968		Thái	Thành phần khác	Bản Chiềng Hin	
6	Vì Văn Luật	1966		Thái	Thành phần khác	Bản Thín	
7	Hà Văn Thành	1940		Thái	Già làng	Bản Nà An	
8	Đinh Công Đạo	1962		Mường	Thành phần khác	Bản Mường An	
	Xã Tân Xuân	8	1	9			
1	Hà Văn Tiếp	1969		Thái	Thành phần khác	Đông Tà Lào	
2	Đinh Công Hơ	1938		Mường	Cán bộ hưu	Tây Tà Lào	
3	Hà Đức Dung	1951		Thái	Trưởng dòng họ	Thấm Tôn	
4	Vì Văn Tuyển	1960		Thái	Trưởng dòng họ	Bản Buốt	
5	Vì Thị Xum		1960	Thái	Thành phần khác	Bản Ngà	
6	Mùa A Lâu	1956		Mông	Trưởng dòng họ	Bản Bún	
7	Sông A Sào	1965		Mông	Trưởng dòng họ	Bản Láy	
8	Thào A Chồng	1960		Mông	Thầy cúng	Bản Cột Mốc	
9	Giăng A Chu	1977		Mông	Thành phần khác	Bản Sa Lai	
	Xã Mường Tè	8	0	8			
1	Vì Thanh Trắc	1957		Thái	Cán bộ hưu	Bản Nhúng	
2	Lường Văn Mãng	1964		Thái	Thành phần khác	Bản Pù Hiềng	
3	Lường Văn Hắc	1952		Thái	Thầy cúng	Bản Mường Tè	
4	Đinh Công Toàn	1959		Mường	Cán bộ hưu	Bản Chiềng Ban	
5	Lường Văn Linh	1962		Thái	Cán bộ hưu	Bản Pơ Tào	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
6	Đinh Công Mông	1966		Mường	Thành phần khác	Bản Hinh	
7	Hà Trọng Lối	1954		Thái	Cán bộ hưu	Bản Hào	
8	Lường Văn Tương	1962		Thái	Thành phần khác	Bản Háng	
	Xã Quang Minh	5	0	5			
1	Vì Văn Pun	1953		Thái	Thành phần khác	Bản Bó	
2	Đinh Công Quay	1957		Mường	Cán bộ hưu	Bản Nà Bai	
3	Hà Văn Quang	1956		Thái	Cán bộ hưu	Bản To Ngùi	
4	Hà Văn Quý	1962		Thái	Thành phần khác	Bản Coong	
5	Mùi Văn Sung	1965		Mường	Thành phần khác	Bản Lòm	
	Xã Tô Múa	11	0	11			
1	Vì Văn Phương	1966		Thái	Trưởng bản	Bản Đạo	
2	Hà Minh Thúy	1949		Thái	Thành phần khác	Bản Cho Đáy	
3	Lường Văn Tuyển	1961		Thái	Cán bộ hưu	Bản Suối Liếm	
4	Lường Văn Đúm	1956		Thái	Thành phần khác	Bản Lắc Mường	
5	Bàn Văn Xiền	1960		Dao	Thành phần khác	Bản Đá Mài	
6	Hà Văn Thảo	1940		Thái	Cán bộ hưu	Tiểu Khu TT	
7	Hà Văn Hoàn	1958		Thái	Thành phần khác	Bản Khâm	
8	Hà Ngọc Chấn	1959		Thái	Cán bộ hưu	Bản Mến	
9	Hà Văn Thu	1970		Thái	Thành phần khác	Bản Co Cài	
10	Hà Văn Uôn	1961		Thái	Cán bộ hưu	Bản Pàn Ngùa	
11	Vì Kim Ót	1958		Thái	Thành phần khác	Bản Bó Mồng	
	Xã Suối Bàng	9	0	9			
1	Ngân Văn Ổn	1957		Thái	Thái	Bản Sỏi	
2	Bàn Văn Toàn	1964		Dao	Dao	Bản Chiềng Đa	
3	Lường Văn Chiến	1958		Thái	Thành phần khác	Bản Ấm	
4	Vì Văn Chấn	1965		Thái	Cán bộ hưu	Bản Pua Lai	
5	Đinh Văn Chánh	1962		Mường	Thành phần khác	Bản Châu Phong	
6	Mùi Văn Thu	1952		Mường	Cán bộ hưu	Khoang Tuồng	
7	Mùi Văn Thoa	1961		Mường	Thành phần khác	Bản Pua Ta	
8	Giàng A Nụ	1982		Mông	Thành phần khác	Bản Suối Khẩu	
9	Mùi Văn Khánh	1973		Mường	Thành phần khác	Bản Bó	
	Vân Hồ	13	0	13			
1	Đặng Văn On	1948		Dao	Già làng	Sao Đỏ 1	

TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh/Giới tính		Dân tộc	Thành phần của người uy tín	Nơi cư trú	Ghi chú
		Nam	Nữ				
2	Đặng Văn Là	1943		Dao	Già làng	Suối Lìn	
3	Mùi Văn Quý	1950		Mường	Già làng	Hang Trùng 1	
4	Mùi Văn Nhung	1957		Mường	Trưởng bản	Hang Trùng 2	
5	Tráng A Chơ	1957		Mông	Già làng	Hua Tạt	
6	Giàng A Lành	1964		Mông	Già làng	Chiềng Đi 2	
7	Vàng A Phai	1983		Mông	Thành phần khác	Pa Cốp	
8	Lý Văn Hị	1960		Dao	Già làng	Sao Đỏ 2	
9	Lầu A Sênh	1948		Mông	Già làng	Bó Nhàng 2	
10	Mùa A Khai	1972		Mông	Thành phần khác	Pa Chè	
11	Vàng A Chú	1957		Mông	Già làng	Chiềng Đi 1	
12	Giàng A Lành	1963		Mông	Già làng	Thuông Cuông	
13	Giàng A Váng	1952		Mông	Già làng	Bó Nhàng 1	
	Xã Liên Hòa	5	0	5			
1	Ngần Ngọc Thu	1964		Thái	Cán bộ hưu	Bản Nôn	
2	Đinh Công Sơn	1960		Mường	Cán bộ hưu	Bản Lấn	
3	Vì Văn Quý	1961		Thái	Cán bộ hưu	Bản Ngậm	
4	Bản Văn Tuyên	1955		Dao	Cán bộ hưu	Suối Nậu	
5	Quách Công Chanh	1956		Mường	Thành phần khác	Bản Tà Phù	
	Xã Chiềng Khoa	6	0	6			
1	Ngần Văn Lâng	1962		Thái	Già làng	Bản Tin Tộc	
2	Hà Ngọc Sánh	1956		Thái	Già làng	Bản Mường Khoa	
3	Ngần Văn Thịnh	1963		Thái	Già làng	Bản Nà Chá	
4	Lò Văn Đan	1962		Thái	Thành phần khác	Bản Không	
5	Đinh Công Nguyên	1955		Thái	Cán bộ hưu	Bản Chiềng Lè	
6	Vì Văn Chiên	1953		Thái	Thầy cúng	Bản Páng	
	Xã Mường Men	5	0	5			
1	Hà Văn Phương	1977		Thái	Trưởng dòng họ	Bản Chột	
2	Vì Văn Kiên	1962		Thái	Già làng	Bản Ui	
3	Lò Xuân Hương	1956		Thái	Cán bộ hưu	Bản Khả Nhài	
4	Hà Văn Quý	1964		Thái	Trưởng dòng họ	Bản Cóm	
5	Hà Văn Quyết	1950		Thái	Cán bộ hưu	Bản Nà Pa	